

# DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ XÃ TÂN VIỆT

(Kèm theo Thông báo số            /TB-UBND ngày    tháng    năm 2023 của UBND xã Tân Việt

| STT        | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                                                                                                       | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |           |           | TTHC liên thông<br>với cấp |           |          | Lĩnh<br>vực | Số<br>TTHC |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------|-----------|----------------------------|-----------|----------|-------------|------------|
|            |                                                                                                                                                                                              | 2                           | 3         | 4         | Tỉnh                       | Huyệ      | Xã       |             |            |
| <b>A</b>   | <b>TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND XÃ</b>                                                                                                                                          | <b>25</b>                   | <b>64</b> | <b>44</b> | <b>3</b>                   | <b>10</b> |          | <b>34</b>   | <b>133</b> |
|            | <b>TƯ PHÁP - HỘ TỊCH</b>                                                                                                                                                                     | <b>10</b>                   | <b>26</b> | <b>14</b> | <b>0</b>                   | <b>2</b>  | <b>0</b> | <b>5</b>    | <b>50</b>  |
| <b>I</b>   | <b>Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</b>                                                                                                                                                          |                             | <b>1</b>  |           |                            |           |          | <b>1</b>    | <b>1</b>   |
| 1          | Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)                                                                            |                             | X         |           |                            |           |          |             |            |
| <b>II</b>  | <b>Lĩnh vực Chứng thực</b>                                                                                                                                                                   |                             | <b>8</b>  | <b>3</b>  |                            |           |          | <b>1</b>    | <b>11</b>  |
| 1          | Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc                                                                                                                                                                |                             |           | X         |                            |           |          |             |            |
| 2          | Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận                                                                   |                             | X         |           |                            |           |          |             |            |
| 3          | <del>Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cá trường nộp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)</del> |                             | X         |           |                            |           |          |             |            |
| 4          | Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch                                                                                                                         |                             | X         |           |                            |           |          |             |            |
| 5          | Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch                                                                                                                                            |                             | X         |           |                            |           |          |             |            |
| 6          | <del>Thủ tục cấp bản sao cơ chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực</del>                                                                                             |                             |           | X         |                            |           |          |             |            |
| 7          | Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở                                                                                         |                             | X         |           |                            |           |          |             |            |
| 8          | Thủ tục chứng thực di chúc                                                                                                                                                                   |                             | X         |           |                            |           |          |             |            |
| 9          | Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản                                                                                                                                               |                             | X         |           |                            |           |          |             |            |
| 10         | Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                                                                                       |                             | X         |           |                            |           |          |             |            |
| 11         | <del>Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở</del>                                                                                       |                             |           | X         |                            |           |          |             |            |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật</b>                                                                                                                                                  |                             | <b>1</b>  | <b>5</b>  |                            |           |          | <b>1</b>    | <b>6</b>   |
| 1          | Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật                                                                                                                                                |                             |           | X         |                            |           |          |             |            |

| STT       | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                               | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |           |          | TTHC liên thông<br>với cấp |          |    | Lĩnh<br>vực | Số<br>TTHC |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------|----------|----------------------------|----------|----|-------------|------------|
|           |                                                                                                                      | 2                           | 3         | 4        | Tỉnh                       | Huyệ     | Xã |             |            |
| 2         | Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật                                                                     |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| 3         | Thủ tục công nhận hòa giải viên                                                                                      |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| 4         | Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải                                                                              |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |
| 5         | Thủ tục thôi làm hòa giải viên                                                                                       |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| 6         | Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên                                                                         |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| <b>IV</b> | <b>Lĩnh vực Hộ tịch</b>                                                                                              | <b>10</b>                   | <b>15</b> | <b>5</b> |                            | <b>2</b> |    | <b>1</b>    | <b>30</b>  |
| 1         | Thủ tục đăng ký khai sinh                                                                                            |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |
| 2         | Thủ tục đăng ký kết hôn                                                                                              |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| 3         | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con                                                                                    |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |
| 4         | Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con                                                                  |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |
| 5         | Thủ tục đăng ký khai tử                                                                                              |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |
| 6         | Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động                                                                                   |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |
| 7         | Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động                                                                                     |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| 8         | Thủ tục đăng ký khai tử lưu động                                                                                     |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |
| 9         | Thủ tục đăng ký giám hộ                                                                                              |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| 10        | Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ.                                                                                    |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| 11        | Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch                                                                         |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |
| 12        | Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân                                                                        |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |
| 13        | Thủ tục đăng ký lại khai sinh                                                                                        |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |
| 14        | Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân                                                     |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |
| 15        | Thủ tục đăng ký lại kết hôn                                                                                          |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |
| 16        | Thủ tục đăng ký lại khai tử                                                                                          |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |
| 17        | Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch                                                                                |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| 18        | Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch                                                                                   |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |
| 19        | Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi |                             | X         |          |                            | X        |    |             |            |

| STT | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |   |   | TTHC liên thông<br>với cấp |      |    | Lĩnh<br>vực | Số<br>TTHC |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---|---|----------------------------|------|----|-------------|------------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2                           | 3 | 4 | Tỉnh                       | Huyệ | Xã |             |            |
| 20  | Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi                                                                                                                                                                                                                                                                               |                             | X |   |                            | X    |    |             |            |
| 21  | Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh                                                                                                                                                  | X                           |   |   |                            |      |    |             |            |
| 22  | <del>Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế</del>                                        | X                           |   |   |                            |      |    |             |            |
| 23  | <del>Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên xuất ngũ thời viên</del>                           | X                           |   |   |                            |      |    |             |            |
| 24  | <del>Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007</del>              | X                           |   |   |                            |      |    |             |            |
| 25  | <del>Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên xuất ngũ thời viên</del>   | X                           |   |   |                            |      |    |             |            |
| 26  | Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh                                                                                                                                                                          | X                           |   |   |                            |      |    |             |            |
| 27  | Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 | X                           |   |   |                            |      |    |             |            |

| STT        | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                                                                                                                | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |          |          | TTHC liên thông<br>với cấp |          |          | Lĩnh<br>vực | Số<br>TTHC |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------|----------|----------------------------|----------|----------|-------------|------------|
|            |                                                                                                                                                                                                       | 2                           | 3        | 4        | Tỉnh                       | Huyệ     | Xã       |             |            |
| 28         | Lien thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, no trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)                                    | X                           |          |          |                            |          |          |             |            |
| 29         | Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng mai táng phí (đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần)                                                              | X                           |          |          |                            |          |          |             |            |
| 30         | Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)                                                                                 | X                           |          |          |                            |          |          |             |            |
| <b>V</b>   | <b>Lĩnh vực Nuôi con nuôi</b>                                                                                                                                                                         |                             | <b>1</b> | <b>1</b> |                            |          |          | <b>1</b>    | <b>2</b>   |
| 1          | Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước                                                                                                                                                              |                             | X        |          |                            |          |          |             |            |
| 2          | Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước                                                                                                                                                     |                             |          | X        |                            |          |          |             |            |
|            | <b>LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b>                                                                                                                                                                 | <b>8</b>                    | <b>3</b> | <b>4</b> | <b>2</b>                   | <b>3</b> | <b>0</b> | <b>5</b>    | <b>15</b>  |
| <b>I</b>   | <b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>                                                                                                                                                                        |                             | <b>2</b> | <b>3</b> |                            | <b>1</b> |          | <b>1</b>    | <b>5</b>   |
| 1          | Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật                                                                                                                                                             |                             |          | X        |                            |          |          |             |            |
| 2          | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn                                                                                                               |                             |          | X        |                            |          |          |             |            |
| 3          | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở                                                                                                                                          |                             | X        |          |                            | X        |          |             |            |
| 4          | Thủ tục Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật                                                                                                                      |                             |          | X        |                            |          |          |             |            |
| 5          | Thủ tục Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2014-2015 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế |                             | X        |          |                            |          |          |             |            |
| <b>II</b>  | <b>Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội</b>                                                                                                                                                             | <b>1</b>                    |          | <b>1</b> |                            |          |          | <b>1</b>    | <b>2</b>   |
| 1          | Thủ tục Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình                                                                                                                                   |                             |          | X        |                            |          |          |             |            |
| 2          | Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện                                                                                                                                                                   | X                           |          |          |                            |          |          |             |            |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực Người có công</b>                                                                                                                                                                         | <b>1</b>                    |          |          |                            |          |          | <b>1</b>    | <b>1</b>   |
| 1          | Cấp giấy xác nhận thân nhân người có công                                                                                                                                                             | X                           |          |          |                            |          |          |             |            |
| <b>IV</b>  | <b>Lĩnh vực Trẻ em</b>                                                                                                                                                                                | <b>6</b>                    |          |          | <b>2</b>                   | <b>2</b> |          | <b>1</b>    | <b>6</b>   |

| STT       | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                                                              | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |          |           | TTHC liên thông<br>với cấp |          |    | Lĩnh<br>vực | Số<br>TTHC |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------|-----------|----------------------------|----------|----|-------------|------------|
|           |                                                                                                                                                     | 2                           | 3        | 4         | Tỉnh                       | Huyệ     | Xã |             |            |
| 1         | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em | X                           |          |           |                            |          |    |             |            |
| 2         | Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em                                                                                                          | X                           |          |           | X                          | X        |    |             |            |
| 3         | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em                             | X                           |          |           |                            |          |    |             |            |
| 4         | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế                                    | X                           |          |           | X                          | X        |    |             |            |
| 5         | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em          | X                           |          |           |                            |          |    |             |            |
| 6         | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt          | X                           |          |           |                            |          |    |             |            |
| <b>V</b>  | <b>Việc làm</b>                                                                                                                                     |                             | <b>1</b> |           |                            |          |    | <b>1</b>    | <b>1</b>   |
|           | Hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.                                  |                             | X        |           |                            |          |    |             |            |
|           | <b>VĂN HOÁ THÔNG TIN</b>                                                                                                                            |                             | <b>9</b> | <b>13</b> |                            | <b>4</b> |    | <b>5</b>    | <b>22</b>  |
| <b>I</b>  | <b>Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác</b>                                                                                                             |                             | <b>5</b> |           |                            | <b>4</b> |    | <b>1</b>    | <b>5</b>   |
| 1         | Thủ tục cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học                                                                       |                             | X        |           |                            |          |    |             |            |
| 2         | Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập                                                                                                            |                             | X        |           |                            | X        |    |             |            |
| 3         | Thủ tục cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại                                                                          |                             | X        |           |                            | X        |    |             |            |
| 4         | Thủ tục sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập                                                                                         |                             | X        |           |                            | X        |    |             |            |
| 5         | Thủ tục giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).                                              |                             | X        |           |                            | X        |    |             |            |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực Tôn giáo Chính phủ</b>                                                                                                                  |                             | <b>2</b> | <b>8</b>  |                            |          |    | <b>1</b>    | <b>10</b>  |
| 1         | Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng                                                                                                                |                             |          | X         |                            |          |    |             |            |
| 2         | Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng                                                                                                        |                             |          | X         |                            |          |    |             |            |
| 3         | Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                                                                        |                             | X        |           |                            |          |    |             |            |
| 4         | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã                                                |                             |          | X         |                            |          |    |             |            |

| STT        | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                                       | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |           |          | TTHC liên thông<br>với cấp |          |    | Lĩnh<br>vực | Số<br>TTHC |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------|----------|----------------------------|----------|----|-------------|------------|
|            |                                                                                                                              | 2                           | 3         | 4        | Tỉnh                       | Huyệ     | Xã |             |            |
| 5          | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã                 |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| 6          | Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |
| 7          | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã                                          |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| 8          | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác                                           |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| 9          | Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                     |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| 10         | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực Thư viện</b>                                                                                                     |                             | <b>2</b>  | <b>1</b> |                            |          |    | <b>1</b>    | <b>3</b>   |
| 1          | Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng                                                              |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |
| 2          | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng                                         |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| 3          | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng                                                                      |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |
| <b>IV</b>  | <b>Lĩnh vực Thể dục thể thao</b>                                                                                             |                             |           | <b>1</b> |                            |          |    | <b>1</b>    | <b>1</b>   |
| 74         | Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở                                                                                  |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| <b>V</b>   | <b>Lĩnh vực Văn hoá</b>                                                                                                      |                             |           | <b>3</b> |                            |          |    | <b>1</b>    | <b>3</b>   |
| 1          | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã                                                                                      |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| 2          | Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm                                                                         |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| 3          | Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa                                                                                  |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
|            | <b>ĐỊA CHÍNH - XÂY DỰNG - TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG - NÔNG NGHIỆP</b>                                                            | <b>3</b>                    | <b>19</b> | <b>4</b> | <b>1</b>                   | <b>1</b> |    | <b>9</b>    | <b>26</b>  |
| <b>I</b>   | <b>Lĩnh vực Trồng trọt</b>                                                                                                   |                             |           | <b>1</b> |                            |          |    | <b>1</b>    | <b>1</b>   |
| 1          | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa                                                                                     |                             |           | X        |                            |          |    |             |            |
| <b>II</b>  | <b>Lĩnh vực Đường bộ</b>                                                                                                     |                             | <b>2</b>  |          |                            |          |    | <b>1</b>    | <b>2</b>   |
| 1          | Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới                 |                             | X         |          |                            |          |    |             |            |

| STT        | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                                                                                        | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |          |          | TTHC liên thông<br>với cấp |          |    | Lĩnh<br>vực | Số<br>TTHC |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------|----------|----------------------------|----------|----|-------------|------------|
|            |                                                                                                                                                                               | 2                           | 3        | 4        | Tỉnh                       | Huyệ     | Xã |             |            |
| 2          | Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới                                                              |                             | X        |          |                            |          |    |             |            |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực Đường thủy nội địa</b>                                                                                                                                            |                             | <b>9</b> |          |                            |          |    | <b>1</b>    | <b>9</b>   |
| 1          | Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác                                                                                           |                             | X        |          |                            |          |    |             |            |
| 2          | Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung                                                                                               |                             | X        |          |                            |          |    |             |            |
| 3          | Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa                                                                                                    |                             | X        |          |                            |          |    |             |            |
| 4          | Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa                                                 |                             | X        |          |                            |          |    |             |            |
| 5          | Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện                                             |                             | X        |          |                            |          |    |             |            |
| 6          | Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện                                               |                             | X        |          |                            |          |    |             |            |
| 7          | Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác |                             | X        |          |                            |          |    |             |            |
| 8          | Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện                                                                                                                           |                             | X        |          |                            |          |    |             |            |
| 9          | Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện                                                                                                                                       |                             | X        |          |                            |          |    |             |            |
| <b>IV</b>  | <b>Lĩnh vực Đất đai</b>                                                                                                                                                       |                             |          | <b>1</b> |                            |          |    | <b>1</b>    | <b>1</b>   |
| 1          | Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai                                                                                                                                           |                             |          | X        |                            |          |    |             |            |
| <b>V</b>   | <b>Lĩnh vực Môi trường</b>                                                                                                                                                    | <b>1</b>                    |          | <b>1</b> |                            |          |    | <b>1</b>    | <b>2</b>   |
| 1          | Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường                                                                                                                                   | X                           |          |          |                            |          |    |             |            |
| 2          | Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.                                                                                                                      |                             |          | X        |                            |          |    |             |            |
| <b>VI</b>  | <b>Lĩnh vực Nông nghiệp</b>                                                                                                                                                   |                             |          | <b>1</b> |                            |          |    | <b>1</b>    | <b>1</b>   |
| 1          | Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương                                                                                                                                     |                             |          | X        |                            |          |    |             |            |
| <b>VII</b> | <b>Phòng chống thiên tai</b>                                                                                                                                                  | <b>2</b>                    | <b>3</b> |          | <b>1</b>                   | <b>1</b> |    | <b>1</b>    | <b>5</b>   |
| 1          | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai                                                                                                                      |                             | X        |          |                            |          |    |             |            |
| 2          | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh                                                                                                                      |                             | X        |          |                            |          |    |             |            |
| 3          | Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu                                                                                                   |                             | X        |          |                            |          |    |             |            |

| STT         | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                                                                                                                                                             | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |   |   | TTHC liên thông<br>với cấp |      |    | Lĩnh<br>vực | Số<br>TTHC |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---|---|----------------------------|------|----|-------------|------------|
|             |                                                                                                                                                                                                                                                    | 2                           | 3 | 4 | Tỉnh                       | Huyệ | Xã |             |            |
| 4           | Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.                                                                                         | X                           |   |   |                            |      |    |             |            |
| 5           | Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (dưới với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.                                                              | X                           |   |   | X                          | X    |    |             |            |
| <b>VIII</b> | <b>Lĩnh vực Thành lập và hoạt động tổ hợp tác</b>                                                                                                                                                                                                  |                             | 3 |   |                            |      |    | 1           | 3          |
| 99          | Thông báo thành lập tổ hợp tác                                                                                                                                                                                                                     |                             | X |   |                            |      |    |             |            |
| 100         | Thông báo thay đổi tổ hợp tác                                                                                                                                                                                                                      |                             | X |   |                            |      |    |             |            |
| 101         | Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác                                                                                                                                                                                                        |                             | X |   |                            |      |    |             |            |
| <b>IX</b>   | <b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>                                                                                                                                                                                                                           |                             | 2 |   |                            |      |    | 1           | 2          |
| 1           | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã                                                                                                                                                    |                             | X |   |                            |      |    |             |            |
| 2           | Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) |                             | X |   |                            |      |    |             |            |
|             | <b>TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN</b>                                                                                                                                                                                                                         | 3                           | 2 |   |                            |      |    | 3           | 5          |
| <b>I</b>    | <b>Lĩnh vực Bảo hiểm</b>                                                                                                                                                                                                                           |                             | 1 |   |                            |      |    | 1           | 1          |
| 1           | Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp;                                                                                                                                                                                          |                             | X |   |                            |      |    |             |            |
| <b>II</b>   | <b>Lĩnh vực Chính sách thuế</b>                                                                                                                                                                                                                    |                             | 1 |   |                            |      |    | 1           | 1          |
| 1           | Thủ tục kê khai, thẩm định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (MT)                                                                                                                                                                            |                             | X |   |                            |      |    |             |            |
| <b>III</b>  | <b>Lĩnh vực Quản lý công sản</b>                                                                                                                                                                                                                   | 3                           |   |   |                            |      |    | 1           | 3          |
| 1           | Thủ tục quyết định điều chuyển tài sản công                                                                                                                                                                                                        | X                           |   |   |                            |      |    |             |            |
| 2           | Thủ tục quyết định bán tài sản công                                                                                                                                                                                                                | X                           |   |   |                            |      |    |             |            |
| 3           | Thủ tục quyết định tiêu hủy tài sản công                                                                                                                                                                                                           | X                           |   |   |                            |      |    |             |            |
|             | <b>VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY - NỘI VỤ</b>                                                                                                                                                                                                                  |                             | 3 | 6 |                            |      |    | 2           | 9          |
| <b>I</b>    | <b>Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng</b>                                                                                                                                                                                                             |                             | 3 | 1 |                            |      |    | 1           | 4          |
| 1           | Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập                                                                                                                                                                                                                  |                             |   | X |                            |      |    |             |            |
| 2           | Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập                                                                                                                                                                                                                 |                             | X |   |                            |      |    |             |            |



[illegible]

| STT        | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                               | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |   |   | TTHC liên thông<br>với cấp |      |    | Lĩnh<br>vực | Số<br>TTHC |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---|---|----------------------------|------|----|-------------|------------|
|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2                           | 3 | 4 | Tỉnh                       | Huyệ | Xã |             |            |
| 1          | Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội                                                                                                                                                                               |                             |   |   |                            |      |    |             |            |
| 2          | Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội                                                                                                                                                                           |                             |   |   |                            |      |    |             |            |
| <b>II</b>  | <b>Lĩnh vực bảo hiểm xã hội</b>                                                                                                                                                                                                                                                                      |                             |   |   |                            |      |    | <b>1</b>    | <b>1</b>   |
| 1          | Giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng đối với sĩ quan quân nhân chuyên nghiệp Hạ sĩ quan binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30 tháng 04 năm 1975 trở về trước có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên xuất ngũ trước ngày 01 tháng 4 năm 2000 |                             |   |   |                            |      |    |             |            |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực dân quân tự vệ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                       |                             |   |   |                            |      |    | <b>1</b>    | <b>2</b>   |
| 1          | Trợ cấp đối với quân nhân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân Quân bị ốm dẫn đến chết                                                                                                                                                                                                               |                             |   |   |                            |      |    |             |            |
| 2          | Trợ cấp đối với dân Quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân Quân bị tai nạn dẫn đến chết                                                                                                                                                                                                      |                             |   |   |                            |      |    |             |            |
| <b>IV</b>  | <b>Lĩnh vực Nghĩa vụ quân sự</b>                                                                                                                                                                                                                                                                     |                             |   |   |                            |      |    | <b>1</b>    | <b>7</b>   |
| 1          | Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu                                                                                                                                                                                                                                                                     |                             |   |   |                            |      |    |             |            |
| 2          | Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị                                                                                                                                                                                                                                                                    |                             |   |   |                            |      |    |             |            |
| 3          | Ký nghĩa vụ quân sự bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                          |                             |   |   |                            |      |    |             |            |
| 4          | Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc học tập                                                                                                                                                                                                                 |                             |   |   |                            |      |    |             |            |
| 5          | Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc học tập                                                                                                                                                                                                                |                             |   |   |                            |      |    |             |            |
| 6          | Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng                                                                                                                                                                                                                                                                    |                             |   |   |                            |      |    |             |            |
| 7          | Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến                                                                                                                                                                                                                                                                 |                             |   |   |                            |      |    |             |            |
| <b>V</b>   | <b>Lĩnh vực chính sách</b>                                                                                                                                                                                                                                                                           |                             |   |   |                            |      |    | <b>1</b>    | <b>2</b>   |
| 1          | Thu tục giải quyết chế độ hưu trí với quân nhân người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau 30 tháng 04 năm 1975 trực tiếp tham gia kháng chiến bảo vệ Tổ quốc làm nhiệm vụ quốc tế có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội cơ yếu đã phục viên xuất ngũ thôi việc                                 |                             |   |   |                            |      |    |             |            |

| STT | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |   |   | TTHC liên thông<br>với cấp |      |    | Lĩnh<br>vực | Số<br>TTHC |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---|---|----------------------------|------|----|-------------|------------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2                           | 3 | 4 | Tỉnh                       | Huyệ | Xã |             |            |
| 2   | Thu tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quan nhân người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30 tháng 04 năm 1975 trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội cơ yếu đã phục viên xuất ngũ<br><i>thời việc (đối tượng từ trần)</i> |                             |   |   |                            |      |    |             |            |

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ XÃ .....

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND xã .....

| STT | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                                                                                            | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |    |    | TTHC liên thông<br>với cấp |      |    | Lĩn<br>h<br>vực | Số<br>TTH<br>C |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----|----|----------------------------|------|----|-----------------|----------------|
|     |                                                                                                                                                                                   | 2                           | 3  | 4  | Tỉnh                       | Huyệ | Xã |                 |                |
| A   | TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND XÃ                                                                                                                                      |                             |    |    |                            |      |    |                 |                |
|     | TƯ PHÁP - HỘ TỊCH                                                                                                                                                                 |                             | 26 | 14 |                            | 2    |    | 5               | 40             |
| I   | Lĩnh vực Bồi thường nhà nước                                                                                                                                                      |                             | 1  |    |                            |      |    | 1               | 1              |
| 1   | Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)                                                                 |                             | X  |    |                            |      |    |                 |                |
| II  | Lĩnh vực Chứng thực                                                                                                                                                               |                             | 8  | 3  |                            |      |    | 1               | 11             |
| 1   | Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc                                                                                                                                                     |                             |    | X  |                            |      |    |                 |                |
| 2   | Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận                                                        |                             | X  |    |                            |      |    |                 |                |
| 3   | Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) |                             | X  |    |                            |      |    |                 |                |
| 4   | Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch                                                                                                              |                             | X  |    |                            |      |    |                 |                |
| 5   | Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch                                                                                                                                 |                             | X  |    |                            |      |    |                 |                |
| 6   | Thủ tục cấp bản sao cơ chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực                                                                                             |                             |    | X  |                            |      |    |                 |                |
| 7   | Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở                                                                              |                             | X  |    |                            |      |    |                 |                |
| 8   | Thủ tục chứng thực di chúc                                                                                                                                                        |                             | X  |    |                            |      |    |                 |                |
| 9   | Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản                                                                                                                                    |                             | X  |    |                            |      |    |                 |                |
| 10  | Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                                                                            |                             | X  |    |                            |      |    |                 |                |
| 11  | Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                                                                                       |                             |    | X  |                            |      |    |                 |                |
| III | Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật                                                                                                                                              |                             | 1  | 5  |                            |      |    | 1               | 6              |
| 1   | Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật                                                                                                                                     |                             |    | X  |                            |      |    |                 |                |

| STT       | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                               | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |           |          | TTHC liên thông<br>với cấp |          |    | Lĩn<br>h<br>vực | Số<br>TTH<br>C |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------|----------|----------------------------|----------|----|-----------------|----------------|
|           |                                                                                                                      | 2                           | 3         | 4        | Tỉnh                       | Huyệ     | Xã |                 |                |
| 2         | Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật                                                                     |                             |           | X        |                            |          |    |                 |                |
| 3         | Thủ tục công nhận hòa giải viên                                                                                      |                             |           | X        |                            |          |    |                 |                |
| 4         | Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải                                                                              |                             | X         |          |                            |          |    |                 |                |
| 5         | Thủ tục thôi làm hòa giải viên                                                                                       |                             |           | X        |                            |          |    |                 |                |
| 6         | Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên                                                                         |                             |           | X        |                            |          |    |                 |                |
| <b>IV</b> | <b>Lĩnh vực Hộ tịch</b>                                                                                              |                             | <b>15</b> | <b>5</b> |                            | <b>2</b> |    | <b>1</b>        | <b>20</b>      |
| 1         | Thủ tục đăng ký khai sinh                                                                                            |                             | X         |          |                            |          |    |                 |                |
| 2         | Thủ tục đăng ký kết hôn                                                                                              |                             |           | X        |                            |          |    |                 |                |
| 3         | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con                                                                                    |                             | X         |          |                            |          |    |                 |                |
| 4         | Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con                                                                  |                             | X         |          |                            |          |    |                 |                |
| 5         | Thủ tục đăng ký khai tử                                                                                              |                             | X         |          |                            |          |    |                 |                |
| 6         | Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động                                                                                   |                             | X         |          |                            |          |    |                 |                |
| 7         | Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động                                                                                     |                             |           | X        |                            |          |    |                 |                |
| 8         | Thủ tục đăng ký khai tử lưu động                                                                                     |                             | X         |          |                            |          |    |                 |                |
| 9         | Thủ tục đăng ký giám hộ                                                                                              |                             |           | X        |                            |          |    |                 |                |
| 10        | Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ.                                                                                    |                             |           | X        |                            |          |    |                 |                |
| 11        | Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch                                                                         |                             | X         |          |                            |          |    |                 |                |
| 12        | Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân                                                                        |                             | X         |          |                            |          |    |                 |                |
| 13        | Thủ tục đăng ký lại khai sinh                                                                                        |                             | X         |          |                            |          |    |                 |                |
| 14        | Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân                                                     |                             | X         |          |                            |          |    |                 |                |
| 15        | Thủ tục đăng ký lại kết hôn                                                                                          |                             | X         |          |                            |          |    |                 |                |
| 16        | Thủ tục đăng ký lại khai tử                                                                                          |                             | X         |          |                            |          |    |                 |                |
| 17        | Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch                                                                                |                             |           | X        |                            |          |    |                 |                |
| 18        | Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch                                                                                   |                             | X         |          |                            |          |    |                 |                |
| 19        | Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi |                             | X         |          |                            | X        |    |                 |                |

| STT        | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                                                                                                                | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |          |          | TTHC liên thông<br>với cấp |          |          | Lĩn<br>h<br>vực | Số<br>TTH<br>C |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------|----------|----------------------------|----------|----------|-----------------|----------------|
|            |                                                                                                                                                                                                       | 2                           | 3        | 4        | Tỉnh                       | Huyệ     | Xã       |                 |                |
| 20         | Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi                                                                                                  |                             | X        |          |                            | X        |          |                 |                |
| <i>V</i>   | <i>Lĩnh vực Nuôi con nuôi</i>                                                                                                                                                                         |                             | <i>1</i> | <i>1</i> |                            |          |          | <i>1</i>        | <i>2</i>       |
| 1          | Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước                                                                                                                                                              |                             | X        |          |                            |          |          |                 |                |
| 2          | Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước                                                                                                                                                     |                             |          | X        |                            |          |          |                 |                |
|            | <b>LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b>                                                                                                                                                                 | <b>8</b>                    | <b>2</b> | <b>4</b> | <b>2</b>                   | <b>3</b> | <b>0</b> | <b>3</b>        | <b>14</b>      |
| <i>I</i>   | <i>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</i>                                                                                                                                                                        |                             | <i>2</i> | <i>3</i> |                            | <i>1</i> |          | <i>1</i>        | <i>5</i>       |
| 1          | Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật                                                                                                                                                             |                             |          | X        |                            |          |          |                 |                |
| 2          | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn                                                                                                               |                             |          | X        |                            |          |          |                 |                |
| 3          | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở                                                                                                                                          |                             | X        |          |                            | X        |          |                 |                |
| 4          | Thủ tục Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật                                                                                                                      |                             |          | X        |                            |          |          |                 |                |
| 5          | Thủ tục Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2014-2015 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế |                             | X        |          |                            |          |          |                 |                |
| <i>II</i>  | <i>Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội</i>                                                                                                                                                             | <i>1</i>                    |          | <i>1</i> |                            |          |          | <i>1</i>        | <i>2</i>       |
| 1          | Thủ tục Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình                                                                                                                                   |                             |          | X        |                            |          |          |                 |                |
| 2          | Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện                                                                                                                                                                   | X                           |          |          |                            |          |          |                 |                |
| <i>III</i> | <i>Lĩnh vực Người có công</i>                                                                                                                                                                         | <i>1</i>                    |          |          |                            |          |          | <i>1</i>        | <i>1</i>       |
| 1          | Cấp giấy xác nhận thân nhân người có công                                                                                                                                                             | X                           |          |          |                            |          |          |                 |                |
| <i>IV</i>  | <i>Lĩnh vực Trẻ em</i>                                                                                                                                                                                | <i>6</i>                    |          |          | <i>2</i>                   | <i>2</i> |          |                 | <i>6</i>       |
| 1          | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em                                                   | X                           |          |          |                            |          |          |                 |                |
| 2          | Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em                                                                                                                                                            | X                           |          |          | X                          | X        |          |                 |                |

| STT       | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                                                     | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |          |           | TTHC liên thông<br>với cấp |          |    | Lĩn<br>h<br>vực | Số<br>TTH<br>C |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------|-----------|----------------------------|----------|----|-----------------|----------------|
|           |                                                                                                                                            | 2                           | 3        | 4         | Tỉnh                       | Huyệ     | Xã |                 |                |
| 3         | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em                    | X                           |          |           |                            |          |    |                 |                |
| 4         | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế                           | X                           |          |           | X                          | X        |    |                 |                |
| 5         | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em | X                           |          |           |                            |          |    |                 |                |
| 6         | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt | X                           |          |           |                            |          |    |                 |                |
| <b>V</b>  | <b>Việc làm</b>                                                                                                                            |                             |          |           |                            |          |    |                 |                |
| 55        | Hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế gặp khó khăn do đại dịch COVID-19                          |                             | X        |           | X                          | X        | X  |                 |                |
|           | <b>VĂN HOÁ THÔNG TIN</b>                                                                                                                   |                             | <b>9</b> | <b>13</b> |                            | <b>4</b> |    | <b>5</b>        | <b>22</b>      |
| <b>I</b>  | <b>Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác</b>                                                                                                    |                             | <b>5</b> |           |                            | <b>4</b> |    | <b>1</b>        | <b>5</b>       |
| 1         | Thủ tục cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học                                                              |                             | X        |           |                            |          |    |                 |                |
| 2         | Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập                                                                                                   |                             | X        |           |                            | X        |    |                 |                |
| 3         | Thủ tục cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại                                                                 |                             | X        |           |                            | X        |    |                 |                |
| 4         | Thủ tục sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập                                                                                |                             | X        |           |                            | X        |    |                 |                |
| 5         | Thủ tục giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).                                     |                             | X        |           |                            | X        |    |                 |                |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực Tôn giáo Chính phủ</b>                                                                                                         |                             | <b>2</b> | <b>8</b>  |                            |          |    | <b>1</b>        | <b>10</b>      |
| 1         | Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng                                                                                                       |                             |          | X         |                            |          |    |                 |                |
| 2         | Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng                                                                                               |                             |          | X         |                            |          |    |                 |                |
| 3         | Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                                                               |                             | X        |           |                            |          |    |                 |                |
| 4         | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã                                       |                             |          | X         |                            |          |    |                 |                |
| 5         | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã                               |                             |          | X         |                            |          |    |                 |                |
| 6         | Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                              |                             | X        |           |                            |          |    |                 |                |

Hết thời kỳ Covid-19 ko nên để lại

| STT        | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                                       | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |          |          | TTHC liên thông<br>với cấp |      |    | Lĩn<br>h<br>vực | Số<br>TTH<br>C |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------|----------|----------------------------|------|----|-----------------|----------------|
|            |                                                                                                                              | 2                           | 3        | 4        | Tỉnh                       | Huyệ | Xã |                 |                |
| 7          | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã                                          |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
| 8          | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác                                           |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
| 9          | Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                     |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
| 10         | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực Thư viện</b>                                                                                                     |                             | <b>2</b> | <b>1</b> |                            |      |    | <b>1</b>        | <b>3</b>       |
| 1          | Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng                                                              |                             | X        |          |                            |      |    |                 |                |
| 2          | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng                                         |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
| 3          | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng                                                                      |                             | X        |          |                            |      |    |                 |                |
| <b>IV</b>  | <b>Lĩnh vực Thể dục thể thao</b>                                                                                             |                             |          | <b>1</b> |                            |      |    | <b>1</b>        | <b>1</b>       |
| 74         | Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở                                                                                  |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
| <b>V</b>   | <b>Lĩnh vực Văn hoá</b>                                                                                                      |                             |          | <b>3</b> |                            |      |    | <b>1</b>        | <b>3</b>       |
| 1          | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã                                                                                      |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
| 2          | Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm                                                                         |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
| 3          | Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa                                                                                  |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
|            | <b>ĐỊA CHÍNH - XÂY DỰNG -TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG - NÔNG NGHIỆP</b>                                                             |                             |          |          |                            |      |    |                 |                |
| <b>I</b>   | <b>Trồng trọt</b>                                                                                                            |                             |          | <b>1</b> |                            |      |    | <b>1</b>        | <b>1</b>       |
| 1          | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa                                                                                     |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
| <b>II</b>  | <b>Đường bộ</b>                                                                                                              |                             | <b>2</b> |          |                            |      |    | <b>1</b>        | <b>2</b>       |
| 1          | Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới                 |                             | X        |          |                            |      |    |                 |                |
| 2          | Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới             |                             | X        |          |                            |      |    |                 |                |
| <b>III</b> | <b>Đường thủy nội địa</b>                                                                                                    |                             | <b>9</b> |          |                            |      |    | <b>1</b>        | <b>9</b>       |
| 1          | Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác                                          |                             | X        |          |                            |      |    |                 |                |



| STT | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                                                                                               | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |   |   | TTHC liên thông<br>với cấp |      |    | Lĩn<br>h<br>vực | Số<br>TTH<br>C |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---|---|----------------------------|------|----|-----------------|----------------|
|     |                                                                                                                                                                                      | 2                           | 3 | 4 | Tỉnh                       | Huyệ | Xã |                 |                |
| 2   | Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung                                                                                                      |                             | X |   |                            |      |    |                 |                |
| 3   | Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa                                                                                                           |                             | X |   |                            |      |    |                 |                |
| 4   | Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa                                                        |                             | X |   |                            |      |    |                 |                |
| 5   | Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện                                                    |                             | X |   |                            |      |    |                 |                |
| 6   | Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện                                                      |                             | X |   |                            |      |    |                 |                |
| 7   | Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác        |                             | X |   |                            |      |    |                 |                |
| 8   | Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện                                                                                                                                  |                             | X |   |                            |      |    |                 |                |
| 9   | Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện                                                                                                                                              |                             | X |   |                            |      |    |                 |                |
| IV  | <b>Đất đai 01</b>                                                                                                                                                                    |                             |   | 1 |                            |      |    | 1               | 1              |
| 1   | Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai                                                                                                                                                  |                             |   | X |                            |      |    |                 |                |
| V   | <b>Môi trường</b>                                                                                                                                                                    | 1                           |   | 1 |                            |      |    | 1               | 2              |
| 1   | Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường                                                                                                                                          | X                           |   |   |                            |      |    |                 |                |
| 2   | Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.                                                                                                                             |                             |   | X |                            |      |    |                 |                |
| VI  | <b>Nông nghiệp</b>                                                                                                                                                                   |                             |   | 1 |                            |      |    | 1               | 1              |
| 1   | Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương                                                                                                                                            |                             |   | X |                            |      |    |                 |                |
| VII | <b>Phòng chống thiên tai</b>                                                                                                                                                         | 2                           | 3 |   | 1                          | 1    |    | 1               | 5              |
| 1   | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai                                                                                                                             |                             | X |   |                            |      |    |                 |                |
| 2   | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh                                                                                                                             |                             | X |   |                            |      |    |                 |                |
| 3   | Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu                                                                                                          |                             | X |   |                            |      |    |                 |                |
| 4   | Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.                           | X                           |   |   |                            |      |    |                 |                |
| 5   | Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội. | X                           |   |   | X                          | X    |    |                 |                |

| STT         | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                                                                                                                                                             | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |   |   | TTHC liên thông<br>với cấp |      |    | Lĩn<br>h<br>vực | Số<br>TTH<br>C                         |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---|---|----------------------------|------|----|-----------------|----------------------------------------|
|             |                                                                                                                                                                                                                                                    | 2                           | 3 | 4 | Tỉnh                       | Huyệ | Xã |                 |                                        |
| <b>VIII</b> | <b>Thành lập và hoạt động tổ hợp tác</b>                                                                                                                                                                                                           |                             | 3 |   |                            |      |    | 1               | 3                                      |
| 99          | Thông báo thành lập tổ hợp tác                                                                                                                                                                                                                     |                             | X |   |                            |      |    |                 |                                        |
| 100         | Thông báo thay đổi tổ hợp tác                                                                                                                                                                                                                      |                             | X |   |                            |      |    |                 |                                        |
| 101         | Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác                                                                                                                                                                                                        |                             | X |   |                            |      |    |                 |                                        |
| <b>IX</b>   | <b>Thủy lợi</b>                                                                                                                                                                                                                                    |                             |   |   |                            |      |    |                 |                                        |
| 102         | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã                                                                                                                                                    |                             | X |   |                            |      |    |                 |                                        |
| 103         | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã                                                                                                          |                             | X |   |                            |      |    |                 | Hệ thống dịch vụ hành chính công ko có |
| 104         | Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) |                             | X |   |                            |      |    |                 |                                        |
|             | <b>TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN</b>                                                                                                                                                                                                                         |                             |   |   |                            |      |    |                 |                                        |
| <b>I</b>    | <b>Lĩnh vực Bảo hiểm</b>                                                                                                                                                                                                                           |                             | 1 |   |                            |      |    | 1               | 1                                      |
| 1           | Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp;                                                                                                                                                                                          |                             | X |   |                            |      |    |                 |                                        |
| <b>II</b>   | <b>Lĩnh vực Chính sách thuế</b>                                                                                                                                                                                                                    |                             | 1 |   |                            |      |    | 1               | 1                                      |
| 1           | Thủ tục kê khai, thẩm định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (MT)                                                                                                                                                                            |                             | X |   |                            |      |    |                 |                                        |
| <b>III</b>  | <b>Lĩnh vực Quản lý công sản</b>                                                                                                                                                                                                                   |                             |   |   |                            |      |    |                 | Hệ thống dịch vụ hành chính công ko có |
| 1           | Thủ tục quyết định điều chuyển tài sản công                                                                                                                                                                                                        | X                           |   |   |                            |      |    |                 |                                        |
| 2           | Thủ tục quyết định bán tài sản công                                                                                                                                                                                                                | X                           |   |   |                            |      |    |                 |                                        |
| 3           | Thủ tục quyết định tiêu hủy tài sản công                                                                                                                                                                                                           | X                           |   |   |                            |      |    |                 |                                        |
|             | <b>VĂN PHÒNG ĐĂNG UỶ - NỘI VỤ</b>                                                                                                                                                                                                                  |                             |   |   |                            |      |    |                 |                                        |
| <b>I</b>    | <b>Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng</b>                                                                                                                                                                                                             |                             | 3 | 1 |                            |      |    | 1               | 4                                      |
| 1           | Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập                                                                                                                                                                                                                  |                             |   | X |                            |      |    |                 |                                        |
| 2           | Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập                                                                                                                                                                                                                 |                             | X |   |                            |      |    |                 |                                        |
| 3           | Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình                                                                                                                                                                                                               |                             | X |   |                            |      |    |                 |                                        |
| 4           | Thủ tục thực hiện việc giải trình                                                                                                                                                                                                                  |                             | X |   |                            |      |    |                 |                                        |

| STT        | Tên lĩnh vực, tên TTHC                                                                                                                         | TTHC cung cấp<br>DVC mức độ |          |          | TTHC liên thông<br>với cấp |      |    | Lĩn<br>h<br>vực | Số<br>TTH<br>C |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------|----------|----------------------------|------|----|-----------------|----------------|
|            |                                                                                                                                                | 2                           | 3        | 4        | Tỉnh                       | Huyệ | Xã |                 |                |
| <b>II</b>  | <b>Thi đua khen thưởng</b>                                                                                                                     |                             |          | <b>5</b> |                            |      |    | <b>1</b>        | <b>5</b>       |
| 1          | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị;                                                               |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
| 2          | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề                                                  |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
| 3          | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất;                                                                        |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
| 4          | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình                                                                                   |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
| 5          | Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến                                                                                                      |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
|            | <b>VĂN PHÒNG HĐND - UBND</b>                                                                                                                   |                             |          |          |                            |      |    |                 |                |
| <b>I</b>   | <b>Giải quyết khiếu nại</b>                                                                                                                    |                             | <b>1</b> |          |                            |      |    | <b>1</b>        | <b>1</b>       |
| 1          | Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã                                                                                                |                             | X        |          |                            |      |    |                 |                |
| <b>II</b>  | <b>Giải quyết tố cáo</b>                                                                                                                       |                             |          | <b>1</b> |                            |      |    | <b>1</b>        | <b>1</b>       |
| 1          | Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã                                                                                                           |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
| <b>III</b> | <b>Tiếp công dân</b>                                                                                                                           |                             |          | <b>1</b> |                            |      |    | <b>1</b>        | <b>1</b>       |
| 1          | Tiếp công dân tại cấp xã                                                                                                                       |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
| <b>IV</b>  | <b>Xử lý đơn</b>                                                                                                                               |                             |          | <b>1</b> |                            |      |    | <b>1</b>        | <b>1</b>       |
| 1          | Thủ tục Xử lý đơn tại cấp xã                                                                                                                   |                             |          | X        |                            |      |    |                 |                |
|            | <b>DÂN SỐ KHHGDTE 02</b>                                                                                                                       |                             |          |          |                            |      |    |                 |                |
| <b>I</b>   | <b>Dân số, sức khỏe sinh sản</b>                                                                                                               |                             |          |          |                            |      |    |                 |                |
| 1          | Thủ tục cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ |                             | X        |          |                            |      |    |                 |                |
| 2          | Thủ tục xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số                                                              | X                           |          |          |                            |      |    |                 |                |

Hệ thống dịch vụ hành chính công ko có